

Số: 3083/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 11 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch,
dịch vụ và hạ tầng giao thông tại xã Tân Lạc, tỉnh Phú Thọ**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày
11 tháng 12 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính
phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân
quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của
Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;
Sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và
nông thôn; Sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09 tháng 12
năm 2025 của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 17/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức, phương pháp lập và quản lý chi phí cho
hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây
dựng về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông
thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

*Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ ban hành Quy định quản lý quy hoạch đô thị và
nông thôn, kiến trúc trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;*

*Căn cứ Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy
ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Phú Thọ thời kỳ
2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số

433/BCTĐ-SXD ngày 21 tháng 7 năm 2026; Tờ trình số 417 /TTr-SXD ngày 23 tháng 7 năm 2026; Văn bản số 10740 /SXĐ-QHKT ngày 07 tháng 9 năm 2026; của Sở Tài chính tại Văn bản số 7733 /STC- TCHCSN ngày 26 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch, dịch vụ và hạ tầng giao thông tại xã Tân Lạc với những nội dung như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu du lịch, dịch vụ và hạ tầng giao thông tại xã Tân Lạc.

2. Đơn vị tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch: Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ.

3. Đơn vị tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng đô thị và công nghiệp Miền Bắc.

4. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch

4.1. Phạm vi lập quy hoạch: Thuộc địa giới hành chính xã Tân Lạc, được giới hạn cụ thể như sau:

- Phía Bắc và phía Nam: Giáp các khu vực rừng sản xuất tự nhiên và khu dân cư hiện trạng xã Tân Lạc;
- Phía Đông: Giáp khu vực rừng phòng hộ, rừng sản xuất núi Nhà Chài và đồi Ma Nhụi;
- Phía Tây: Giáp QL.12B và khu vực rừng sản xuất đồi Đỏ Mực.

4.2. Quy mô, diện tích lập quy hoạch: khoảng 1.470,84 ha.

4.3. Thời hạn quy hoạch: Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 Khu du lịch, dịch vụ và hạ tầng giao thông tại xã Tân Lạc: Đến năm 2050 theo thời hạn quy hoạch tỉnh Phú Thọ.

5. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

5.1. Quan điểm

- Khai thác hiệu quả lợi thế về điều kiện tự nhiên, cảnh quan sinh thái và văn hóa địa phương; phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp gắn với bảo tồn thiên nhiên và bản sắc dân tộc;
- Phát triển đồng bộ, bền vững: kết hợp hài hòa giữa xây dựng mới và bảo tồn; kiểm soát mật độ xây dựng, hạn chế san gạt địa hình lớn;
- Tổ chức không gian theo mô hình du lịch sinh thái bền vững; bảo vệ hệ sinh thái rừng, suối tự nhiên và cảnh quan;
- Đảm bảo quyền lợi hợp pháp và cải thiện đời sống người dân địa phương trong quá trình phát triển;

- Huy động đa dạng nguồn lực đầu tư; tăng cường hợp tác công - tư; kiểm soát chặt chẽ tiến độ và chất lượng triển khai.

5.2. Mục tiêu quy hoạch

- Phát triển khu vực quy hoạch nhằm hình thành tổ hợp không gian đô thị - du lịch sinh thái gắn với phát triển hạ tầng giao thông, trung tâm logistics, tổ hợp văn phòng - thương mại, tổ hợp thể thao, khu đô thị và khu tái định cư, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực.

- Xác định phạm vi, ranh giới, tính chất, chức năng và quy mô của khu vực quy hoạch phù hợp với định hướng phát triển cấp trên;

- Xác định cấu trúc không gian, tổ chức các phân khu chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất đối với từng lô đất trong phạm vi quy hoạch;

- Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch - dịch vụ và sinh hoạt của cộng đồng dân cư;

- Xác định các biện pháp bảo vệ môi trường, bảo tồn cảnh quan sinh thái và thích ứng biến đổi khí hậu;

- Xác định danh mục dự án ưu tiên đầu tư, tiến độ thực hiện và nguồn lực huy động.

- Làm cơ sở để lập các đồ án quy hoạch chi tiết, triển khai dự án đầu tư xây dựng; đồng thời phục vụ công tác quản lý đất đai, quản lý xây dựng và kiểm soát phát triển theo quy hoạch được phê duyệt đối với địa bàn xã Tân Lạc (sau sắp xếp).

6. Tính chất

Khu vực lập quy hoạch có tính chất là khu chức năng phức hợp bao gồm: Du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng cao cấp gắn với phát triển các loại hình vui chơi giải trí; Khu đô thị du lịch với các công trình dịch vụ thương mại, lưu trú, ẩm thực; Hạ tầng giao thông chiến lược (bao gồm định hướng hạ tầng giao thông đồng bộ, trung tâm logistic), tổ hợp văn phòng - thương mại, tổ hợp thể thao, khu đô thị và khu tái định cư, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực; Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc địa phương gắn với du lịch cộng đồng; Khu dân cư hiện trạng được chỉnh trang, nâng cấp đồng bộ.

7. Dự kiến các chỉ tiêu cơ bản áp dụng trong đồ án về quy mô dân số, nhu cầu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật

7.1. Quy mô dân số

Dự kiến quy mô dân số khu vực lập quy hoạch đến năm 2050 khoảng 25.000 người (Dân số sẽ được xác định cụ thể trong quá trình lập đồ án quy hoạch).

7.2. Các chỉ tiêu về đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu trong khu vực quy hoạch

Các chỉ tiêu về đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật chủ yếu trong khu vực quy hoạch sẽ được áp dụng cụ thể trong quá trình lập đồ án quy hoạch đảm bảo phù hợp theo các quy định của QCVN 01: 2021/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng”; QCVN 07: 2023/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật” và tiêu chuẩn hiện hành.

8. Các yêu cầu đồ án quy hoạch cần nghiên cứu

8.1. Yêu cầu đối với công tác điều tra khảo sát, thu thập tài liệu, số liệu, đánh giá hiện trạng khu vực; yêu cầu về cơ sở dữ liệu hiện trạng

a) Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng:

- Thu thập tài liệu, số liệu, điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên và hiện trạng về kinh tế - xã hội; dân số, lao động, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, môi trường và các yếu tố khác có liên quan.

- Đánh giá điều kiện tự nhiên và môi trường:

+ Tổng quan các đặc điểm tự nhiên của khu vực nghiên cứu (về địa hình, địa mạo, khí hậu, thủy văn, thủy lợi, địa chất công trình, địa chấn...); đặc điểm cảnh quan sinh thái trong mối liên kết với các khu vực xung quanh liền kề và các vùng lân cận.

+ Đánh giá ảnh hưởng tiêu cực, tích cực của điều kiện tự nhiên tới khu vực xây dựng và sự phát triển của khu vực; đánh giá chi tiết về quỹ đất xây dựng trên cơ sở phân vùng xây dựng thuận lợi, không thuận lợi và cấm xây dựng.

+ Khảo sát, đánh giá hiện trạng hệ thống thủy lợi hiện hữu: Thống kê chi tiết vị trí, quy mô và năng lực phục vụ của các công trình thủy lợi (hồ, đập, đê điều, kè sông suối, kênh mương,...) trong phạm vi quy hoạch. Đánh giá khả năng duy trì tưới tiêu cho các khu vực nông nghiệp còn lại sau khi chuyển đổi mục tiêu sang du lịch - dịch vụ.

+ Đánh giá tài nguyên nước mặt và nước ngầm: Bổ sung đánh giá về trữ lượng và chất lượng nước (đặc biệt là nước ngầm) để xác định tính khả thi của việc khai thác cung cấp cho khu du lịch quy mô lớn, tránh làm cạn kiệt nguồn nước sinh hoạt của dân cư hiện trạng.

+ Hành lang thoát lũ: Xác định rõ các trục tiêu thoát nước tự nhiên và mạng suối chạy dọc Quốc lộ 12B. Cần rà soát các khu vực thường xuyên xảy ra lũ quét vào mùa mưa để thiết lập hành lang bảo vệ và thoát lũ an toàn.

+ Nhận định các kết quả phân tích nêu trên, đề xuất các vấn đề cần phải giải quyết trong quy hoạch để khắc phục những nhược điểm (độ dốc, khả năng ngập lụt, các tác động ảnh hưởng...) và phát huy các ưu điểm tự nhiên của khu vực, từ đó xác định các khu vực có tiềm năng về tự nhiên, có thể khai thác tạo động lực phát triển kinh tế.

- Hiện trạng về dân số, xã hội:

+ Đánh giá hiện trạng phát triển dân cư khu vực nghiên cứu, thống kê tỉ lệ dân số, lao động; mức độ phát triển kinh tế, khả năng tăng trưởng, thu hút nguồn nhân lực, nguồn vốn đầu tư.

+ Đánh giá những ảnh hưởng tác động môi trường văn hóa lịch sử tới quá trình phát triển kinh tế, văn hóa và đời sống của dân cư khu vực.

- Hiện trạng về sử dụng đất và kiến trúc cảnh quan:

+ Đánh giá tình hình sử dụng đất khu vực lập quy hoạch theo các khu chức năng, thống kê sử dụng đất, nhận xét đánh giá các vấn đề tồn tại về sử dụng đất cần giải quyết.

+ Khoanh vùng các khu vực đặc thù, vùng bảo vệ cảnh quan, môi trường, vùng bảo vệ đê, hành lang thoát lũ, các hành lang kỹ thuật. Phân tích, đánh giá vấn đề nhà ở và công trình kiến trúc, xác định các công trình, cụm công trình có giá trị...

- Hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường:

+ Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật bao gồm: Chuẩn bị kỹ thuật; giao thông; cấp nước; cấp điện; thông tin liên lạc; thoát nước thải; quản lý chất thải rắn, nghĩa trang...

+ Đánh giá các ưu điểm, các vấn đề tồn tại liên quan đến hệ thống hạ tầng kỹ thuật cần giải quyết trong quy hoạch phân khu. Đánh giá mối liên quan về hiện trạng với mạng lưới hạ tầng kỹ thuật như các tuyến chính, các công trình đầu mối bên ngoài khu vực nghiên cứu. Đánh giá, tổng hợp các giải pháp hạ tầng kỹ thuật của các dự án, đồ án đã có.

+ Đánh giá hiện trạng thu gom, thoát nước mưa; thu gom, xử lý và thoát nước thải; thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

+ Nêu thực trạng và đánh giá hiện trạng môi trường tự nhiên (nước, không khí, đất, hệ sinh thái...) và môi trường xã hội.

b) Các chương trình, đồ án, dự án liên quan: Rà soát, tổng hợp, đánh giá:

- Các đồ án quy hoạch cấp trên có liên quan đến khu vực lập quy hoạch;
- Các đồ án quy hoạch cùng cấp và cấp dưới đã được lập, phê duyệt;
- Các dự án đầu tư xây dựng và phát triển đô thị đã, đang và chuẩn bị triển khai trong phạm vi nghiên cứu;

- Các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

c) Đánh giá tổng hợp hiện trạng:

Trên cơ sở các số liệu, tài liệu điều tra, khảo sát, thực hiện đánh giá tổng hợp về:

- Những thuận lợi, lợi thế và tiềm năng phát triển của khu vực;
- Những khó khăn, hạn chế và các vấn đề cơ bản cần giải quyết;

- Đánh giá các khu vực thích hợp và không thích hợp để xây dựng; các khu vực cần bảo tồn.

8.2. Các yêu cầu về nội dung chính của quy hoạch phân khu

- Luận cứ xác định phạm vi, quy mô diện tích lập quy hoạch; phân tích, đánh giá điều kiện hiện trạng về tự nhiên, dân số, sử dụng đất, kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường; đánh giá các chương trình, dự án đang triển khai. Xác định các vấn đề cơ bản cần giải quyết.

- Xác định mục tiêu quy hoạch phân khu; nêu các yêu cầu, định hướng chính tại quy hoạch chung đã được phê duyệt và quy định quản lý theo quy hoạch chung đối với phạm vi quy hoạch.

- Lựa chọn chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật áp dụng cho toàn khu vực; xác định quy mô dân số, đất đai, nhu cầu cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

- Nguyên tắc, yêu cầu về tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan; quy định sử dụng đất từng khu vực chức năng, trục đường chính, không gian mở, điểm nhấn, khu trung tâm, khu bảo tồn (nếu có); vị trí, quy mô, cấu trúc các đơn vị ở; công trình hạ tầng xã hội cấp đô thị (nếu có); chỉ tiêu sử dụng đất từng khu chức năng; công trình ngầm; chỉ giới xây dựng trên các trục đường từ cấp phân khu vực.

- Thiết kế đô thị: Xác định chỉ tiêu không chế về khoảng lùi, cảnh quan đô thị dọc các trục đường chính, khu trung tâm; không gian mở, công trình điểm nhấn và từng ô phố.

- Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật: Xác định cốt xây dựng; mạng lưới giao thông, mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; bến, bãi đỗ xe; tuyến và ga tàu điện ngầm (nếu có); hào kỹ thuật; nhu cầu và nguồn cấp nước; mạng lưới đường ống cấp nước; nhu cầu năng lượng; mạng lưới điện và chiếu sáng; hệ thống thông tin liên lạc; thoát nước và xử lý nước thải, chất thải rắn.

- Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường.

- Luận cứ xác định danh mục chương trình, dự án ưu tiên đầu tư; kiến nghị cơ chế huy động nguồn lực thực hiện; xác định dự án quan trọng ưu tiên bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

9. Hồ sơ sản phẩm

9.1. Bản đồ khảo sát địa hình tỷ lệ 1/2000 và Kết quả kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu theo Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

9.2. Hồ sơ quy hoạch

a) Phần bản vẽ:

STT	Tên bản vẽ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất	TL thích hợp
2	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất và kiến trúc, cảnh quan	1/2.000
3	Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường	1/2.000
4	Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất	1/2.000
5	Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan	1/2.000
6	Bản đồ quy hoạch giao thông và chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng (đến cấp đường phân khu vực)	1/2.000
7	Các bản đồ quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật theo từng chuyên ngành (Chuẩn bị kỹ thuật, cấp nước, cấp năng lượng và chiếu sáng, thoát nước thải và xử lý chất thải rắn, hạ tầng viễn thông thụ động và công trình hạ tầng kỹ thuật khác)	1/2.000
8	Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật	1/2.000
9	Bản vẽ xác định các khu vực xây dựng công trình ngầm: Các công trình công cộng ngầm, các công trình cao tầng có xây dựng tầng hầm (nếu có)	TL thích hợp
10	Các bản vẽ thiết kế đô thị	TL thích hợp
* Lưu ý: Các bản vẽ được thể hiện trên nền bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất kết hợp bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000		

b) Phần văn bản.

- Báo cáo kiểm tra chất lượng sản phẩm bản đồ khảo sát khu vực quy hoạch, tỷ lệ 1/2000;
- Tờ trình đề nghị thẩm định và phê duyệt đồ án quy hoạch;
- Thuyết minh tổng hợp bao gồm các bản vẽ in màu, thu nhỏ A3;
- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch: Thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ;
- Dự thảo quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch;
- Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan, tổ chức và đại diện cộng đồng dân cư có liên quan về nội dung đồ án quy hoạch; Thông báo kết luận của Hội đồng thẩm định quy hoạch tỉnh Phú Thọ;
- Các văn bản pháp lý có liên quan;

- Đĩa CD, DVD hoặc USB lưu toàn bộ nội dung thuyết minh và bản vẽ quy hoạch.

c) Hồ sơ quy hoạch theo hệ thống thông tin địa lý GIS

- Các lớp bản đồ dữ liệu được chuyển đổi sang cơ sở dữ liệu GIS: Sơ đồ vị trí, ranh giới khu vực lập quy hoạch; Bản đồ hiện trạng; Bản đồ quy hoạch sử dụng đất; Sơ đồ tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan và hệ thống hạ tầng kỹ thuật khác.

- Thông tin của các đối tượng trên phải được lấy từ các nguồn: bản đồ, các biểu quy hoạch, quyết định và thuyết minh quy hoạch được phê duyệt.

10. Dự toán kinh phí và nguồn vốn lập quy hoạch

10.1. Chi phí lập đồ án quy hoạch: 1.259.141.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm năm mươi chín triệu, một trăm bốn mươi một nghìn đồng). Trong đó:

- | | |
|---|-------------------|
| - Chi phí lập quy hoạch (không bao gồm chi phí kết quả nghiên cứu của nhà tài trợ): | 770.989.000 đồng; |
| - Chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch: | 188.535.000 đồng; |
| - Chi phí thẩm định đồ án quy hoạch: | 50.786.000 đồng; |
| - Chi phí quản lý nghiệp vụ quy hoạch: | 47.721.000 đồng; |
| - Chi phí lấy ý kiến các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, chuyên gia và cộng đồng dân cư: | 165.910.000 đồng; |
| - Chi phí công bố quy hoạch: | 35.200.000 đồng. |

(Dự toán chi tiết được Sở Xây dựng thẩm định theo Tờ trình số 417 /TTr-SXD ngày 23 tháng 7 năm 2026)

10.2. Kinh phí lập quy hoạch: Nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

11. Về tiếp nhận nguồn lực hỗ trợ bằng kết quả nghiên cứu quy hoạch đô thị và nông thôn

a) Hình thức tiếp nhận và nguyên tắc tài trợ: Tiếp nhận nguồn lực hỗ trợ bằng kết quả nghiên cứu.

b) Về quản lý chi phí:

- Đối với nguồn lực hỗ trợ bằng kết quả nghiên cứu: Nhà tài trợ sẽ trực tiếp quản lý và quyết định chi phí thực hiện.

- Đối với các chi phí sử dụng vốn ngân sách nhà nước: Do cơ quan tổ chức lập quy hoạch quản lý theo quy định.

c) Quy trình tiếp nhận nguồn lực hỗ trợ được thực hiện sau khi Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt:

Sở Xây dựng chủ trì tổ chức thực hiện; tham mưu tổ chức thực hiện tiếp nhận nguồn lực hỗ trợ bằng kết quả nghiên cứu quy hoạch đô thị và nông thôn đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn hiện hành.

12. Tổ chức thực hiện

- Đơn vị tư vấn lập quy hoạch: Lựa chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ.

- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban ngành của tỉnh, UBND xã Tân Lạc.

- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng tỉnh Phú Thọ.

- Cơ quan phê duyệt: UBND tỉnh Phú Thọ.

- Thời gian thực hiện lập quy hoạch: Không quá 09 tháng kể từ ngày lựa chọn được đơn vị tư vấn khảo sát, lập quy hoạch.

- Tiếp nhận kết quả nghiên cứu quy hoạch đô thị và nông thôn: Sở Xây dựng làm đầu mối công khai thông tin mời tài trợ; trao đổi, hướng dẫn các đơn vị quan tâm tài trợ phù hợp quy định; đảm bảo công khai, minh bạch; tổ chức triển khai tiếp nhận kết quả nghiên cứu của nhà tài trợ và sử dụng trong quá trình tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Lạc; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Việt Văn